

Số: /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang
6 tháng cuối năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Căn cứ Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh thực hiện chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 272/TTr-SNV ngày 11 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025 (có Kế hoạch kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Báo và Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC, ĐM.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Gia Long

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Tuyên Quang 6 tháng cuối năm 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

1.1. Tiếp tục triển khai toàn diện, đồng bộ, có hiệu quả Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ về ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính (CCHC) nhà nước giai đoạn 2021-2030; các văn bản hướng dẫn của Trung ương nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp đang được vận hành.

1.2. Nâng cao chất lượng CCHC, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh gắn liền với chuyển đổi số toàn diện để nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, tạo động lực để đột phá và thu hút các nguồn lực đầu tư vào tỉnh.

1.3. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số được vận hành dựa trên dữ liệu và công nghệ số, có khả năng cung cấp dịch vụ chất lượng cao, sử dụng nguồn nhân lực tối ưu, huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị, giải quyết hiệu quả những nhiệm vụ đột phá, lĩnh vực trọng tâm để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, giữ vững quốc phòng - an ninh của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2030.

2. Yêu cầu

2.1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND cấp xã; các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện nhiệm vụ công tác CCHC, nhất là tiếp tục nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC của cơ quan, đơn vị.

2.2. Tiếp tục xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương để triển khai thực hiện gắn với các chỉ tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, đơn vị mình.

2.3. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số trong hoạt động công vụ ở các cơ quan, đơn vị, chính quyền cấp xã; tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC bằng nhiều hình thức; thực hiện việc trao đổi, đối thoại với tổ chức, công dân trên các phương tiện truyền thông.

2.4. Bố trí đủ nguồn lực và có các giải pháp triển khai cụ thể để đảm bảo tính thực tiễn, khả thi của kế hoạch.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu chung

- Chú trọng cải thiện nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số CCHC (PAR INDEX), Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) 6 tháng cuối năm 2025.

- Hoàn thành và đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng 100% nhiệm vụ cụ thể trong Kế hoạch CCHC 6 tháng cuối năm 2025 của tỉnh; kế hoạch của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- 100% văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) của tỉnh được ban hành kịp thời, đúng quy trình, đồng bộ và thống nhất với hệ thống pháp luật của Trung ương.

- 100% thủ tục hành chính (TTHC) nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai, rà soát và đơn giản hoá. Bảo đảm hồ sơ TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp được giải quyết trước và đúng hạn. Trường hợp để xảy ra tình trạng quá hạn phải thực hiện xin lỗi người dân, tô chức theo quy định và báo cáo giải trình với cơ quan cấp trên.

- 100% người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến được cấp định danh và xác thực điện tử thông suốt, hợp nhất trên tất cả các hệ thống thông tin cấp tỉnh, cấp xã. Tích hợp, kết nối và chia sẻ dữ liệu dân cư giữa cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC các cấp phục vụ xác thực, chia sẻ thông tin công dân khi thực hiện TTHC theo nguyên tắc không yêu cầu khai báo lại các thông tin đã có trong cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; triển khai cung cấp các dịch vụ công thiết yếu bảo đảm thực hiện chuẩn hóa, tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư; qua đó, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện giải quyết TTHC trên môi trường mạng.

2. Nhiệm vụ cụ thể

2.1. Công tác chỉ đạo, điều hành

2.1.1. Tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo triển khai có hiệu quả công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Trong đó chú trọng việc chỉ đạo, đôn đốc các ngành, UBND cấp xã thực hiện quyết liệt, có chất lượng, đảm bảo thời gian các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra tại Nghị quyết của Chính phủ, các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh về công tác CCHC; rà soát, đánh giá việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, nhiệm vụ nào chưa triển khai hoặc triển khai chưa có kết quả thì phải tập trung, khẩn trương triển khai, có giải pháp xử lý kịp thời, tháo gỡ các “điểm nghẽn”, khơi thông các nguồn lực để phát triển.

2.1.2. Thủ trưởng các sở, ngành và tương đương, các cơ quan ngành dọc của Trung ương tại tỉnh, Chủ tịch UBND cấp xã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ CCHC nhà nước 6 tháng cuối năm 2025. 100% các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh, UBND cấp xã

rà soát, cập nhật, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới kế hoạch CCHC để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC 6 tháng cuối năm 2025, đáp ứng yêu cầu mô hình tổ chức mới và thực tiễn của địa phương.

2.1.3. Tiếp tục thực hiện kiểm tra công tác CCHC; kịp thời kiến nghị xử lý những tồn tại, hạn chế và đôn đốc, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương khắc phục những tồn tại, hạn chế trong công tác CCHC.

2.1.4. Có sáng kiến hoặc giải pháp mới về công tác CCHC, công tác tuyên truyền CCHC, được cơ quan có thẩm quyền công nhận về nâng cao chất lượng cải cách TTHC, xây dựng chính quyền số, công dân số, xã hội số. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai sáng kiến đã được phê duyệt, đáp ứng yêu cầu của Hội đồng thẩm định CCHC Trung ương.

2.1.5. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến công tác CCHC trong nội bộ cơ quan, đơn vị, địa phương bằng nhiều hình thức thích hợp để mọi cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC) và người dân, doanh nghiệp nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các nội dung, nhiệm vụ của công tác CCHC trên địa bàn tỉnh. Nhất là công tác tuyên truyền đối với việc thực hiện dịch vụ công trực tuyến, truyền thông chính sách về đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, chuyển đổi số, CCHC và Đề án 06 năm 2025 tại các sở, ban, ngành, địa phương. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng chuyên mục CCHC của tỉnh, cơ quan và địa phương; thường xuyên đăng tải, cập nhật nội dung thông tin hoạt động CCHC trên Trang Thông tin điện tử các sở, ngành tỉnh, UBND cấp xã; các trang mạng xã hội và các phương tiện thông tin đại chúng khác.

2.1.6. Tổ chức đối thoại giữa lãnh đạo UBND các cấp với người dân, doanh nghiệp, sau đối thoại/diễn đàn ban hành đầy đủ văn bản chỉ đạo, giải quyết đầy đủ, kịp thời những kiến nghị, đề xuất của người dân, doanh nghiệp tại các cuộc đối thoại/diễn đàn.

2.1.7. Đánh giá việc thực hiện công tác CCHC đối với từng cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh để làm căn cứ, tiêu chí xét, đánh giá xếp loại người đứng đầu và xét Thi đua - Khen thưởng hàng năm.

2.2. Cải cách thể chế

2.2.1. Triển khai thi hành nghiêm Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25/6/2025) và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2.2.2. Thường xuyên rà soát, hệ thống hoá VBQPPL, kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới văn bản, phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước và đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương; hoàn thành 100% việc xử lý văn bản sau rà soát.

2.2.3. Xử lý kịp thời, đầy đủ 100% văn bản trái pháp luật phát hiện qua việc tự kiểm tra văn bản và các thông báo kết quả kiểm tra văn bản của cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

2.2.4. Kiểm tra, theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong việc chuẩn bị, soạn thảo các văn bản; phát hiện và xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật.

2.2.5. Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, triển khai các hình thức phổ biến giáo dục pháp luật phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

2.3. Cải cách TTHC

2.3.1. Tập trung triển khai quyết liệt các nhiệm vụ cải cách TTHC, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao trong năm 2025 bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu đề ra.

2.3.2. Thực hiện tốt việc đánh giá tác động, thẩm định TTHC, đề nghị xây dựng, dự thảo VBQPPL về TTHC (nếu có), bảo đảm các TTHC được quy định đúng thẩm quyền, cần thiết, hợp lý và với chi phí tuân thủ thấp nhất.

2.3.3. Thực hiện nghiêm việc kiểm soát TTHC, tập trung kiểm soát chặt chẽ việc ban hành mới các TTHC, thực hiện có hiệu quả, chất lượng công tác thẩm định dự thảo VBQPPL của HĐND tỉnh, UBND tỉnh có quy định về TTHC đảm bảo không có TTHC ban hành trái thẩm quyền.

2.3.4. Rà soát, tái cấu trúc, cập nhật và đăng tải công khai toàn bộ TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của cấp tỉnh, cấp xã vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC; trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức tìm hiểu và thực hiện TTHC.

2.3.5. Tiếp tục triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.3.6. Tiếp tục duy trì, kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, cấp xã để cải thiện chất lượng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Mở rộng triển khai hiệu quả các kênh tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức, doanh nghiệp đối với quy định TTHC. Phân đầu mức độ hài lòng của người dân và tổ chức về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90% trở lên.

2.3.7. Đảm bảo thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong tiếp nhận giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công; Cập nhật công khai kết quả Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ. Kiên quyết xử lý nghiêm các cơ quan, đơn vị, CBCCVC có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, làm phát sinh thêm hồ sơ, giấy tờ, yêu cầu tiếp nhận, giải quyết TTHC. Tiếp nhận, xử lý và trả lời kịp thời những phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về cơ chế, chính sách, TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia và các hình thức khác.

2.3.8. Nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến, đẩy mạnh triển khai dịch vụ công trực tuyến toàn trình đảm bảo chỉ tiêu, chất lượng Chính phủ giao tại Nghị

quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2025. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện việc số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tái sử dụng thông tin, dữ liệu TTHC.

2.4. Cải cách tổ chức bộ máy

2.4.1. Tiếp tục rà soát vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã; tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy tổ chức các cơ quan, đơn vị, giảm đầu mối tổ chức trung gian, khắc phục sự trùng lặp, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, 100% cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) được kiện toàn đúng quy định theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế năm 2026, đảm bảo số lượng theo lộ trình đã xác định và phù hợp với điều kiện của địa phương.

2.4.2. Quản lý, sử dụng biên chế công chức, số lượng người làm việc theo đúng quy định, đảm bảo không vượt tổng số lượng biên chế được cấp có thẩm quyền giao.

2.4.3. Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định về phân cấp trên các lĩnh vực; phân cấp, uỷ quyền cho cấp dưới trực tiếp, chính quyền địa phương quyết định hoặc thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực trên địa bàn quản lý, đảm bảo tính hợp lý giữa tỉnh và xã, phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện, khả năng của chính quyền địa phương; thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát hiệu quả việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp, phân quyền cho cấp xã; xử lý kịp thời, đầy đủ các vấn đề về phân cấp, phân quyền phát hiện qua thanh tra, kiểm tra.

2.5. Cải cách chế độ công vụ

2.5.1. Xây dựng đội ngũ công chức, viên chức chuyên nghiệp, có năng lực, phẩm chất nhằm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ.

2.5.2. Tiếp tục rà soát, sửa đổi đề án vị trí việc làm của cơ quan, đơn vị, tiến tới sắp xếp lại đội ngũ CBCCVC trên địa bàn tỉnh ở từng cấp, từng ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, đảm bảo về tỷ lệ cơ cấu, nhất là cơ cấu lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị.

2.5.3. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong công tác quản lý CBCCVC.

2.5.4. Đổi mới phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ CBCCVC gắn với vị trí việc làm. Chú trọng nâng cao chất lượng tham mưu, giải quyết công việc của đội ngũ công chức chuyên trách làm công tác CCHC, công chức trực tiếp giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị.

2.5.5. Thực hiện đánh giá, xếp loại hằng năm đối với CBCCVC theo hướng thực chất và hiệu quả; thực hiện nghiêm việc đánh giá, xếp loại hằng năm đối với thủ trưởng cơ quan, đơn vị, làm rõ trách nhiệm đối với các tồn tại hạn chế của đơn vị, lĩnh vực phụ trách.

2.5.6. Tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ CBCCVC; thực hiện công tác kiểm tra công vụ, kỷ luật hành chính và văn hoá công sở.

2.6. Cải cách tài chính công

2.6.1. Triển khai thực hiện nhiệm vụ thu, chi, điều hành ngân sách nhà nước (NSNN) theo quy định; công tác quản lý thu phù hợp với lĩnh vực, địa bàn, đối tượng, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thu vào NSNN. Tổ chức điều hành, quản lý chi NSNN theo dự toán, đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, phân cấp quản lý ngân sách, phân cấp quản lý dự án đầu tư công, đảm bảo chặt chẽ, tiết kiệm, đúng quy định; nâng cao hiệu quả sử dụng NSNN; đảm bảo dữ liệu về tài sản công được cập nhật, chuẩn hoá dữ liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác.

2.6.2. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn NSNN theo quy định, đảm bảo hiệu quả, đúng tiến độ. Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư công NSNN hàng năm đạt tỷ lệ từ 90% trở lên so với kế hoạch được giao.

2.6.3. Thực hiện nghiêm túc, kịp thời các kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách. Đảm bảo số tiền nộp NSNN đạt 100% theo kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính ngân sách.

2.6.4. Tiếp tục thực hiện cơ chế khoán kinh phí hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 117/2013/NĐ-CP; Triển khai quy định cơ chế tự chủ tài chính của ĐVSNCCL tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, chú trọng công tác quản lý sử dụng hiệu quả tài sản, giảm chi thường xuyên cho ngân sách. Tạo điều kiện cho các cơ quan hành chính chủ động sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính; ĐVSNCCL tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, sắp xếp bộ máy, biên chế và nguồn lực tài chính để hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ được giao; 100% các ĐVSNCCL được giao tự chủ về tài chính xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công.

2.6.5. Tiếp tục thực hiện chuyển đổi ĐVSNCCL thành công ty cổ phần theo Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25/12/2020 của Chính phủ về chuyển ĐVSNCCL thành công ty cổ phần; Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển ĐVSNCCL thành công ty cổ phần; Quyết định số 17/2024/QĐ-TTg ngày 25/10/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 26/2021/QĐ-TTg ngày 12/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ về danh mục ngành, lĩnh vực thực hiện chuyển ĐVSNCCL thành công ty cổ phần.

2.6.6. Nâng cao năng lực, hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, thực hiện dân chủ, công khai và minh bạch về tài chính công. Bảo đảm thực hiện đúng quy định cơ chế tự chủ về sử dụng kinh phí quản lý hành chính, không có sai phạm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính được phát hiện, phấn đấu vượt chỉ tiêu thu ngân sách được Chính phủ giao.

2.7. Xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

2.7.1. Tiếp tục triển khai, thực hiện hiệu quả Nghị quyết, kế hoạch của tỉnh về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.7.2. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, trao đổi các văn bản, tài liệu giữa các cơ quan hành chính nhà nước qua mạng thông tin điện tử.

2.7.3. Tiếp tục sử dụng các ứng dụng đã triển khai một cách có hiệu quả: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, Hệ hống thư điện tử, Cổng thông tin điện tử, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC, ứng dụng chữ ký số, phản ánh kiến nghị, các mô hình kết nối với cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của các Bộ ngành TW, số hoá, lưu trữ hồ sơ giải quyết TTHC... bảo đảm an toàn thông tin khi trao đổi văn bản trên môi trường mạng, đưa các dịch vụ công trực tuyến lên toàn trình, thực hiện các TTHC trên môi trường điện tử, số hoá kết quả giải quyết TTHC theo quy định.

2.7.4. Phấn đấu 100% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến được xác thực điện tử thông suốt và hợp nhất trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.7.5. 100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xác lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

2.7.6. Tối thiểu 80% các hệ thống thông tin của tỉnh có liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã đưa vào vận hành, khai thác được kết nối, liên thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu.

2.7.7. Phấn đấu 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2.7.8. Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh hỗ trợ người dân, doanh nghiệp khả năng tương tác thuận tiện, trực tuyến với cơ quan nhà nước trong các hoạt động quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ dựa trên các nền tảng công nghệ số; phấn đấu 70% dịch vụ công mới của cơ quan nhà nước có sự tham gia của doanh nghiệp hoặc tổ chức.

2.7.9. Phấn đấu 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh sử dụng các nền tảng số phục vụ công tác chuyên môn, nghiệp vụ; sử dụng nền tảng phân tích, xử lý dữ liệu tổng hợp tập trung của tỉnh, có ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa hoạt động.

(Có danh mục nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này)

III. GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành việc triển khai thực hiện CCHC của người đứng đầu từ tỉnh cho đến các cơ quan, đơn vị và địa phương. Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các xã chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, thống nhất việc xây dựng và tổ chức, thực hiện Kế hoạch trong phạm vi quản lý của mình; xác định CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt năm và giai đoạn; xây dựng kế hoạch bám sát kế hoạch của tỉnh và tình hình thực tế của đơn vị, địa phương; lượng hoá các mục tiêu CCHC với mức độ phù hợp, thiết thực; đồng thời xác định rõ nhiệm vụ cụ thể, phân công rõ trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức và CBCCVC để bảo đảm tính khả thi cao nhất; phát động phong trào xây dựng sáng kiến, triển khai các mô hình mới, sáng tạo trong CCHC.

2. Tiếp tục nâng cao nhận thức, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu rộng chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về CCHC; bảo đảm sự nhất quán, kiên trì, liên tục trong triển khai CCHC của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương và địa phương. Mở rộng các hình thức ứng dụng CNTT, công nghệ số tuyên truyền; phối hợp hiệu quả với các trang báo, Đài phát thanh và Truyền hình

Báo và Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh viết, sản xuất các tin, bài, phóng sự về công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương; thường xuyên cập nhật, đăng tải các tin, bài về công tác CCHC lên trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

3. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đạo đức công vụ trong đội ngũ CBCCVN gắn với chính sách đãi ngộ, động viên, khuyến khích CBCCVN hoàn thành tốt nhiệm vụ. Chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là người đứng đầu trong việc triển khai thực hiện công tác CCHC. Giám đốc Sở, Thủ trưởng cơ quan thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND xã xây dựng, sửa đổi, bổ sung Kế hoạch kiểm tra CCHC nội bộ năm 2025; tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch kiểm tra nghiêm túc, đúng quy trình, có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo chính xác, khách quan.

4. Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hàng năm của cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng CNTT trong đánh giá.

5. Thường xuyên khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của CQHCCN các cấp dưới nhiều hình thức khác nhau, như ban hành cơ chế, chính sách pháp luật; tổ chức thực thi pháp luật; cung cấp dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước các cấp. Ứng dụng hiệu quả CNTT, truyền thông trong khảo sát trực tuyến người dân, tổ chức để cung cấp thông tin thường xuyên, liên tục, kịp thời về tình hình phục vụ của các cơ quan hành chính cho UBND tỉnh và UBND cấp xã.

IV. KINH PHÍ BẢO ĐẢM

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch CCHC 6 tháng cuối năm 2025 được chi từ nguồn ngân sách nhà nước, nguồn xã hội hóa và các nguồn hợp pháp khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.

2. Các cơ quan được phân công chủ trì thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy định trong Kế hoạch này, tiếp tục thực hiện theo dự toán kinh phí đã được phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã

1.1. Ban hành kế hoạch CCHC 6 tháng cuối năm 2025 của cơ quan, đơn vị, địa phương và gửi về Sở Nội vụ theo dõi kết quả thực hiện. Đối với các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì hoặc phối hợp thực hiện nhiệm vụ CCHC tại Kế hoạch này có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả và hoàn thành đúng thời gian quy định. Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh đối với những nhiệm vụ đã giao trong Kế hoạch này.

1.2. Tổ chức phổ biến, quán triệt, thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời về công tác CCHC, nhất là việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đến CBCCVN và người dân, doanh nghiệp.

1.3. Tăng cường kiểm tra công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương. Kịp thời tổng hợp, báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, 6 tháng, năm hoặc đột xuất về kết

qua CCHC với Chủ tịch UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp, báo cáo cấp trên theo quy định.

1.4. Ứng dụng khoa học công nghệ trong thực hiện từng nội dung CCHC nhất là CNTT, truyền thông, công nghệ số trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động, chất lượng phục vụ của các cơ quan hành chính Nhà nước.

1.5. Tổ chức hội nghị đối thoại với người dân, tổ chức và doanh nghiệp về các vấn đề có liên quan tới giải quyết công việc của người dân, tổ chức và doanh nghiệp thuộc thẩm quyền của cơ quan, đơn vị theo quy định.

1.6. Chủ động, mạnh dạn đề xuất thực hiện hoặc thí điểm thực hiện những mô hình, giải pháp, sáng kiến hiệu quả, có tính khả thi và có sự đồng thuận cao từ phía tổ chức, người dân để tạo sự đột phá trong công tác CCHC. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến giao tiếp, văn hóa ứng xử, quyền và nghĩa vụ của CCVC, kỷ luật, kỷ cương hành chính, ưu tiên bồi dưỡng đối tượng là CBCCVC tiếp dân, thực hiện TTHC, giải quyết công việc liên quan đến người dân.

1.7. Kịp thời biểu dương, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác CCHC hoặc trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

2. Sở Nội vụ

2.1. Là cơ quan Thường trực công tác CCHC của UBND tỉnh. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, đánh giá việc triển khai Kế hoạch này đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ theo quy định.

- Chịu trách nhiệm đôn đốc, triển khai Kế hoạch này và chủ trì tham mưu tổ chức kiểm tra công tác CCHC theo kế hoạch; tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh các biện pháp thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh; chủ trì tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Bộ Nội vụ về kết quả thực hiện công tác CCHC của tỉnh đảm bảo chất lượng, thời gian theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung CCHC của tỉnh để tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ CCHC có chất lượng, hiệu quả.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp tài liệu, tự xác định chỉ số CCHC năm 2025 của tỉnh gửi Bộ Nội vụ thẩm định; thực hiện chấm điểm chỉ số CCHC năm 2025 của các Sở, ban, ngành, UBND cấp xã, các cơ quan ngành dọc Trung ương tại tỉnh và các ĐVSNCL trực thuộc UBND tỉnh (nếu có); tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh giải pháp nâng cao Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2025 và những năm tiếp theo; tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện các giải pháp để duy trì và cải thiện chỉ số PAR INDEX, chỉ số PAPI và Chỉ số SIPAS.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo tình hình, kết quả, kịp thời đề xuất với Chủ tịch UBND tỉnh biện pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

- Lập dự toán kinh phí để thực hiện cho công tác CCHC năm 2026.

2.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng quý, 6 tháng và năm tổng hợp, trình UBND tỉnh dự thảo báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC trên địa bàn tỉnh (*báo cáo quý, trình chậm nhất ngày 19 của tháng cuối quý; báo cáo 6 tháng, trình chậm nhất ngày 19/6; báo cáo năm, trình chậm nhất ngày 19/12*), để Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nội vụ theo quy định.

3. Văn phòng UBND tỉnh (Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh)

3.1. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan kiểm soát chặt chẽ số liệu TTHC thực hiện “tiếp nhận và trả kết quả” tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

3.2. Thực hiện hướng dẫn, theo dõi TTHC của tổ chức, cá nhân theo thẩm quyền được giao tại Trung tâm Phục vụ hành chính công.

3.3. Tổ chức các hình thức lấy ý kiến đánh giá sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan, CBCCV trong giải quyết TTHC.

3.4. Chịu trách nhiệm tham mưu giúp UBND tỉnh chỉ đạo triển khai các nội dung về Chương trình, Kế hoạch công tác của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về kiểm soát TTHC; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, giải quyết TTHC trên môi trường điện tử, số hoá hồ sơ kết quả giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền của tỉnh.

3.5. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan quản lý, vận hành Hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo điều hành của tỉnh; Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh.

3.6. Cung cấp tài liệu kiểm chứng các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực cải cách TTHC; tiêu chí đối thoại của lãnh đạo tỉnh với người dân, doanh nghiệp; tiêu chí thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ giao của Bộ chỉ số CCHC cấp tỉnh năm 2025.

3.7. Triển khai, theo dõi Chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử theo chức năng, nhiệm vụ.

4. Sở Tư pháp

4.1. Chịu trách nhiệm tham mưu, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo, triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách thể chế; triển khai các giải pháp nâng cao trách nhiệm, chất lượng công tác xây dựng, ban hành VBQPPL.

4.2. Triển khai các giải pháp nâng cao trách nhiệm, hiệu quả công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL; kịp thời phát hiện, xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, trái pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ được phân công là cơ quan chủ trì tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này.

5. Sở Tài chính

5.1. Chủ trì, tham mưu triển khai thực hiện nội dung cải cách tài chính công; đổi mới cơ chế phân bổ, sử dụng NSNN đối với cơ quan hành chính, ĐVSNCL.

5.2. Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện kế hoạch CCHC hằng năm.

5.3. Trực tiếp theo dõi, tham mưu, triển khai chỉ số thành phần “Cải cách tài chính công” thuộc Chỉ số CCHC của tỉnh, hằng tháng chấm điểm gửi Sở Nội vụ tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

5.4. Tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phân bổ kinh phí các đề án, dự án thuộc nguồn vốn đầu tư công về CCHC của các đơn vị, địa phương khi có đề xuất, đồng thời tham mưu các giải pháp triển khai và theo dõi, đôn đốc các sở, ban, ngành và địa phương thúc đẩy công tác thu hút đầu tư và giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo kế hoạch đề ra trong năm 2025.

5.5. Tham mưu UBND tỉnh thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số xanh PGI.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

6.1. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh các biện pháp chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số.

6.2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chỉ đạo thực hiện việc ứng dụng CNTT trong lĩnh vực xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số thuộc phạm vi quản lý.

6.3. Triển khai có hiệu quả chương trình, kế hoạch về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch: Chỉ đạo các cơ quan báo chí tăng cường thực hiện công tác thông tin tuyên truyền về kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC; kết quả xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số; Đề án đẩy mạnh CCHC, xây dựng chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

8. Sở Y tế, Sở Giáo dục và Đào tạo

8.1. Tiếp tục duy trì thực hiện phương pháp đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế, giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh. Năm 2025, phấn đấu mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

8.2. Tiếp tục đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL trong lĩnh vực y tế, giáo dục công lập; Triển khai đúng lộ trình các chương trình, đề án, kế hoạch của tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo.

8.3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ được giao tại biểu kế hoạch; báo cáo tiến độ kết

quả thực hiện cùng với báo cáo CCHC định kỳ quý, 6 tháng, năm 2025 của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

9. Các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh

9.1. Ban hành Kế hoạch CCHC 6 tháng cuối năm 2025 theo hướng dẫn của ngành, phù hợp với Kế hoạch của UBND tỉnh đảm bảo chất lượng, tiến độ và gửi kế hoạch CCHC về UBND tỉnh (qua Sở Nội vụ) theo thời hạn được cơ quan chủ quan thống nhất.

9.2. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh trong thực hiện TTHC; đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong giải quyết TTHC nhằm tạo thuận lợi, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

9.3. Tích cực thực hiện công tác tuyên truyền về CCHC; mở rộng các hình thức tuyên truyền về công tác CCHC tại cơ quan, ngành mình.

10. Báo và Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương

10.1 Tiếp tục thông tin, tuyên truyền về nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch CCHC nhà nước năm 2025. Chú trọng biểu dương điển hình, mô hình, sáng kiến, giải pháp hiệu quả.

10.2. Tiếp nhận ý kiến phản hồi của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về CCHC của tỉnh để chuyển đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết.

10.3. Xây dựng mạng lưới cộng tác viên trong công tác tuyên truyền, bảo đảm thông tin đa dạng, phong phú, kịp thời, chính xác. Thường xuyên cập nhật các văn bản chỉ đạo điều hành, kết quả triển khai công tác CCHC trên các ấn phẩm của báo, đài; đa dạng hóa các thể loại tin, bài, ảnh, clip...

11. Bưu điện tỉnh

11.1. Chủ động phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tốt việc cung ứng dịch vụ bưu chính công ích theo quy định. Nâng cấp, trang bị cơ sở vật chất thiết yếu để tất cả các bưu cục, nhất là Bưu điện xã có thể kết nối thông tin để triển khai việc tiếp nhận hồ sơ TTHC của người dân, chuyển lên cơ quan hành chính của tỉnh, xã.

11.2. Tổ chức tập huấn cho nhân viên Bưu điện các nội dung liên quan đến việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC, các kỹ năng tiếp xúc với người dân, tổ chức, doanh nghiệp, giải quyết tình huống.

11.3. Bố trí đội ngũ là điều tra viên có trình độ, năng lực, kinh nghiệm để triển khai điều tra, khảo sát theo đề nghị của các cơ quan hành chính, nhất là điều tra đánh giá Chỉ số SIPAS và Chỉ số PAR INDEX.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh

12.1. Thường xuyên phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác tuyên truyền nhằm tạo sự ủng hộ và tham gia của người dân, tổ chức đối với công

tác CCHC, đồng thời giám sát việc thực hiện công tác CCHC, chú trọng giải quyết TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

12.2. Phối hợp với cơ quan, đơn vị liên quan giám sát công tác điều tra xã hội học phục vụ xác định Chỉ số PAPI của Đoàn điều tra, khảo sát Bộ Nội vụ tại tỉnh Tuyên Quang.

12.3. Vận động người dân, doanh nghiệp và cơ quan truyền thông, báo chí giám sát việc thực hiện CCHC góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; nắm bắt kịp thời tâm tư nguyện vọng, kiến nghị của đoàn viên, hội viên và Nhân dân để phản ánh với cấp ủy, chính quyền góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của chính quyền các cấp.

13. Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh: Tham mưu UBND tỉnh thực hiện đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp để duy trì, cải thiện và nâng cao Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành, địa phương (DDCI).

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc các cơ quan, đơn vị phản ánh về UBND tỉnh (*qua Sở Nội vụ*) để tổng hợp, kịp thời tham mưu chỉ đạo giải quyết./.

PHỤ LỤC
DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang)

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
I	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH					
1	Hoàn thành 100% mục tiêu, kế hoạch đề ra.	Rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản chỉ đạo điều hành thực hiện công tác CCHC theo chỉ đạo của cấp trên và yêu cầu thực tế.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Quyết định; Kế hoạch; Công văn...	Quý III, IV/năm 2025
2		Ban hành Kế hoạch CCHC năm 2026.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch	Tháng 12/2025
3		Tham mưu xây dựng Nghị quyết trình Ban thường vụ Tỉnh ủy về công tác CCHC giai đoạn 2026-2030.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Nghị quyết	Quý III, IV/năm 2025
4		Tham mưu xây dựng Kế hoạch CCHC giai đoạn 2026-2030.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch	Quý IV/ năm 2025
5		Tiếp tục triển khai thực hiện các giải pháp cải thiện và nâng cao các chỉ số PAR INDEX, PAPI, SIPAS.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch; Chương trình; Đề án	Quý III, IV/năm 2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
6		Đăng ký sáng kiến, giải pháp mới về CCHC (2-3 sáng kiến)	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Công văn	Quý III, IV/2025
7		Tiếp tục thực hiện Kế hoạch kiểm tra công tác CCHC phần đầu đạt tỷ lệ 20% trở lên	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch của Sở Nội vụ	Quý III, IV/2025
8		Xử lý các vấn đề phát hiện khi kiểm tra.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Biên bản, công văn, báo cáo	Quý III, IV/2025
9		Đảm bảo tối thiểu có 01-02 cuộc đối thoại/diễn đàn giữa lãnh đạo UBND tỉnh với người dân, doanh nghiệp được tổ chức trong năm.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	Các văn bản triển khai thực hiện	Quý III, IV/2025
10		Thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Các văn bản: Nghị quyết, Quyết định, Báo cáo...	Quý III, IV/2025
II	CẢI CÁCH THỂ CHẾ					
11		Tiếp tục thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2025.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo; Kế hoạch	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
12	Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện hệ thống VBQPPL của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực.	Nâng cao chất lượng công tác tham gia ý kiến vào các dự thảo VBQPPL	Sở Tư Pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn bản tham gia ý kiến	Quý III, IV/2025
13		Tổng hợp kết quả hệ thống hoá VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố theo quy định.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành	Các văn bản báo cáo việc rà soát, kiến nghị, xử lý	Quý III, IV/2025
14		- Rà soát các VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành thuộc lĩnh vực đơn vị quản lý, thực hiện. - Kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý các văn bản không phù hợp hoặc mâu thuẫn, chồng chéo nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, hiệu lực.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các văn bản kiến nghị; báo cáo kiến nghị, xử lý	Quý III, IV/2025
15	Tổ chức thi hành pháp luật nghiêm minh, hiệu quả, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cá nhân, tổ chức.	- Công khai, minh bạch đầy đủ, chính xác, kịp thời 100% VBQPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành - Biên soạn, đăng tải tài liệu tuyên truyền pháp luật trên Trang thông tin điện tử và Internet	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo	Quý III, IV/2025
16		Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Báo cáo theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
17		Tổ chức kiểm tra, điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật trong các lĩnh vực của ngành nhằm kịp thời nắm bắt việc đáp ứng yêu cầu thực tiễn quản lý của các quy định pháp luật.	Sở Tư pháp	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các văn bản hướng dẫn, đơn đốc; Thông báo kết quả kiểm tra; Báo cáo kết quả kiểm tra, điều tra khảo sát	Quý III, IV/2025
18		Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật, đặc biệt gắn kết với quá trình xây dựng, hoàn thiện pháp luật.	Sở Tư pháp	Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; UBND cấp xã	Báo cáo	Quý III, IV/2025
III	CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH					
19		Triển khai, hướng dẫn, tuyên truyền nghiệp vụ kiểm soát TTHC, trọng tâm là kỹ năng giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp; nguyên nhân, giải pháp khắc phục điểm trừ tiêu chí cải cách TTHC; dịch vụ công toàn trình, một phen; Bộ chỉ số chỉ đạo, điều hành và đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ công theo thời gian thực trên môi trường điện tử; rà soát TTHC nội	Trung tâm PVHCC tỉnh	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Kế hoạch	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
	Cải cách đồng bộ, hiệu quả các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp; TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước.	bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước.				
20		Rà soát, đánh giá, tái cấu trúc quy trình, kỹ thuật Chuẩn hóa quy trình, biểu mẫu điện tử TTHC cung cấp DVCTT	Trung tâm PVHCC tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch; Quyết định; Báo cáo	Quý III, IV/2025
21		Cập nhật, công khai kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC danh sách, số điện thoại cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh, xã	Trung tâm PVHCC tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Danh sách được cập nhật, công khai góp phần hỗ trợ kịp thời người dân khi thực hiện TTHC	Quý III, IV/2025
22		Công bố TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước	Các sở, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh	Quyết định	Quý III, IV/2025
23		Công khai nội dung TTHC trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và Trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và địa phương.	Trung tâm PVHCC tỉnh; các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Các TTHC được công khai, tích hợp trên Cổng DVC Quốc gia, và Trang thông tin điện tử của sở, ban, ngành và địa phương	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
24		Cập nhật, công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị ngay sau khi Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành.	Các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị liên quan	TTHC, bộ phận TTHC được công khai	Quý III, IV/2025
25		Sử dụng biểu mẫu điện tử tương tác (e-form); số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; tái sử dụng thông tin, dữ liệu, kết quả số hóa khi tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả TTHC	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Dữ liệu điện tử; cắt giảm giấy tờ, thời gian cho người dân, tổ chức khi thực hiện TTHC	Quý III, IV/2025
26		Việc giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, cá nhân được thực hiện đầy đủ trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và đồng bộ với Cổng Dịch vụ công quốc gia	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Kết quả giải quyết hồ TTHC cho tổ chức, cá nhân được công khai, minh bạch	Quý III, IV/2025
27		Việc giải quyết hồ sơ TTHC được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan bằng phương thức điện tử	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Các cơ quan, đơn vị liên quan	Giảm giấy tờ, thời gian cho người dân, tổ chức khi thực hiện TTHC	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
28		Xây quy trình điện tử của TTHC nội bộ, liên thông cấp tỉnh; xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác (e-form) đối với TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý (ở 2 cấp: tỉnh, xã) ngay sau khi Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh được ban hành.	Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Dữ liệu điện tử	Quý III, IV/2025
29		Thường xuyên rà soát, cập nhật TTHC mới ban hành; sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trên cơ sở Quyết định công bố của Bộ, ngành của Trung ương để trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố danh mục TTHC; quy trình nội bộ, liên thông; thành phần hồ sơ phải số hóa; TTHC tái sử dụng.	Các sở, ban, ngành	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định công bố	Quý III, IV/2025
30		Tổ chức tiếp nhận, xử lý, PAKN của người dân và doanh nghiệp trên cổng DVC Quốc gia, Cổng thông tin dịch vụ công cấp tỉnh và các địa chỉ tiếp nhận PAKN khác của tỉnh về quy định hành chính, TTHC và thực hiện TTHC; công khai kết quả xử lý theo quy định.	Trung tâm PVHCC tỉnh; Các cơ quan, đơn vị được phân công làm đầu mối tiếp nhận	Trung tâm PVHCC cấp tỉnh; Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã; các cơ quan, đơn vị có liên quan	PAKN được tiếp nhận, phân loại, chuyển xử lý; Kết quả trả lời PAKN được công khai	Quý III, IV/2025
IV	CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY					

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
31	Tiếp tục xây dựng bộ máy hành chính tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.	Hoàn thiện quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp xã theo quy định của pháp luật.	Các cơ quan, đơn vị	Sở Nội vụ	Quyết định; Báo cáo	Quý III, IV/2025
32	Nâng cao hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL.	Triển khai việc sắp xếp các đơn vị sự nghiệp theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về “Tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL”.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ và các đơn vị có liên quan	Kế hoạch; Quyết định; Báo cáo	Quý III, IV/2025
33	Tăng cường phân cấp, phân quyền hợp lý; tinh giảm biên chế theo lộ trình.	Trình UBND tỉnh Quyết định phân cấp, ủy quyền quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định	Quý III, IV/2025
34		Tiếp tục tinh giản biên chế/số lượng người làm việc theo lộ trình.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch; Quyết định; Báo cáo	Quý III, IV/2025
V	CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ					

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
35	Xây dựng đội ngũ CBCCVC ở từng cấp, từng ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, đảm bảo đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, đảm bảo về tỷ lệ cơ cấu.	Tiếp tục rà soát, điều chỉnh đề án vị trí việc làm theo quy định của pháp luật.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Đề án; Quyết định; Báo cáo	Quý III, IV/2025
36		Duy trì, cập nhật danh sách CBCCVC theo Thông tư số 06/2023/TT-BNV ngày 04/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, đảm bảo dữ liệu “Đúng, đủ, sạch, sống”	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ	Báo cáo	Quý III, IV/2025
37		Tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm, kỹ năng lãnh đạo, quản lý	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch; Quyết định	Quý III, IV/2025
38		Tổ chức hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cấp xã thuộc các lĩnh vực phụ trách	Các sở, ban, ngành	Sở Nội vụ, các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch; Báo cáo	Quý III 2025
39		Thực hiện đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, lượng hóa các tiêu chí đánh giá và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu.	Sở Nội vụ	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định	Quý III, IV/2025
40		Xây dựng, thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC năm	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch	Tháng 12/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
		2026 phù hợp với yêu cầu thực tiễn cho CBCCVC.				
41		Triển khai, thực hiện các chính sách đối với CBCCVC	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Quyết định; Báo cáo	Quý III, IV/2025
VI	CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG					
42	Thực hiện cơ chế phân bổ, sử dụng NSNN cho CQHCNN, ĐVSNCL có hiệu quả (phần đầu tối thiểu 10% ĐVSNCL tự chủ	Thực hiện cập nhật, chuẩn hoá dữ liệu về tài sản công, tài sản kết cấu hạ tầng trên cơ sở dữ liệu tài sản công đảm bảo thông tin về tài sản sản đầy đủ, kịp thời, chính xác.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Báo cáo	Quý III, IV/2025
43		Cho ý kiến về giao quyền tự chủ tài chính đối với các ĐVSNCL.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công văn	Quý III, IV/2025
44		Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất (nếu có).	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công văn	Quý III, IV/2025
45		Thẩm định dự toán thu, chi thường xuyên năm đầu thời kỳ ổn định và xác định kinh phí chi thường xuyên từ nguồn NSNN, nguồn thu phí được để lại, kinh phí NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công văn; Báo cáo	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
	tài chính, chuyển 100% đơn vị sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác có đủ điều kiện thành công ty cổ phần).	công nhằm nâng mức độ tự chủ của đơn vị, giảm chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN.				
46		Thực hiện công tác hướng dẫn, kiểm tra việc sử dụng tài sản công của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị được kiểm tra	Kế hoạch kiểm tra. Quyết định ban hành Kế hoạch kiểm tra và Báo cáo kết quả kiểm tra	Quý III, IV/2025
47		Xây dựng phương án tự chủ tài chính, đề xuất phân loại mức độ tự chủ tài chính của ĐVSNCL trực thuộc, gửi Sở Tài chính thẩm định trình UBND tỉnh Phê duyệt.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Tài chính	Báo cáo	Quý III, IV/2025
48		Rà soát về dự toán kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ cho các ĐVSNCL.	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và các ĐVSNCL	Báo cáo	Quý III, IV/2025
49		Đôn đốc, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tháo gỡ khó khăn; đề xuất giải pháp thực hiện thu hồi vốn, điều chuyển vốn, quyết toán vốn... nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công thuộc ngân sách cấp tỉnh quản lý.	Sở Tài chính	Các cơ quan, đơn vị được giao vốn đầu tư công ngân sách tỉnh quản lý	Báo cáo	Quý III, IV/2025
VII	XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ					

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
50	Đổi mới, sáng tạo, phát triển nhanh, chuyển đổi số và ứng dụng các tiến bộ khoa học, CNTT thúc đẩy hoàn thành và phát triển Chính quyền điện tử.	Xây dựng chương trình, kế hoạch của Tỉnh uỷ về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số 6 tháng cuối năm 2025 và năm 2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Chương trình; Kế hoạch	Quý III, IV/2025
51		Xây dựng cơ sở dữ liệu y tế dùng chung cho toàn tỉnh đồng bộ, hoàn chỉnh, hiện đại, chất lượng và hiệu quả; giúp người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ y tế cơ bản, một số dịch vụ chất lượng cao và được bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khoẻ liên tục, toàn diện, suốt đời; hỗ trợ công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực y tế cơ bản được hỗ trợ bằng các ứng dụng, nền tảng công nghệ, thuận tiện trong quản lý, giám sát, kiểm tra, chỉ đạo điều hành của cơ quan quản lý.	Sở Y tế	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Phần mềm, Cơ sở dữ liệu	Quý III, IV/2025
52		Tiếp tục xây dựng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục theo hướng đồng bộ, hoàn chỉnh, hiện đại, chất lượng và hiệu quả; giúp người dân dễ dàng tiếp cận, sử dụng các dịch	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch; Quyết định	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
		vụ giáo dục cơ bản, một số dịch vụ chất lượng cao; Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho CBCCVC và người lao động trong cơ quan nhà nước; Phát triển hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo án, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến.				
53		Xây dựng cơ sở dữ liệu về du lịch nông nghiệp, nông thôn điện tử (WebGIS) phục vụ Chương trình phát triển du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang theo Quyết định số 140/QĐ-UBND ngày 19/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn bản xác nhận	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
54		Tiếp tục triển khai Dự án Cấp và quản lý mã số vùng trồng các sản phẩm hàng hóa nông sản tỉnh Tuyên Quang bằng hệ thống/tiêu chuẩn OTAS phục vụ nội tiêu và xuất khẩu, giai đoạn 2021 - 2025	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn bản xác nhận	Quý III, IV/2025
55		Quản lý và số hóa hiện vật bảo tàng lịch sử	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Hệ thống dữ liệu	Quý III, IV/2025
56		100% hồ sơ công việc tại cấp tỉnh, 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xác lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ và các cơ quan, đơn vị có liên quan	Kế hoạch; Báo cáo	Quý III, IV/2025
VIII	ĐO LƯỜNG MỨC ĐỘ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN					
57	Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ	Đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập năm 2025.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch; Công văn; Báo cáo	Quý III, IV/2025

STT	Mục tiêu	Tên nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Thời gian
58	y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.	Đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công năm 2025.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Kế hoạch; Công văn; Báo cáo	Quý III, IV/2025